|  |
| --- |
| Môn học phát triển ứng dụng hệ thống thông tin hiện đại – Bộ môn hệ thống thông tin – khoa công nghệ thông tin – trường đại học khoa học tự nhiên |
| **Yêu cầu chức năng** |
| Quản Lý Nhà Phân Phối |
|  |
| **Biên soạn: Save My Life** |
| **10/6/2017** |

1. Tham chiếu

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã số | Tên tài liệu | Phiên bản |
| BRS-02 | Khảo sát hệ thống | 1.1 |
| SRS-1.1 | [SRS] [Save\_My\_Life] QuanLiNPP | 1.1 |

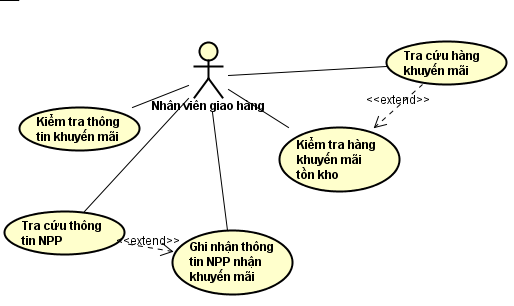
1. Thông tin tài liệu

|  |
| --- |
|  |

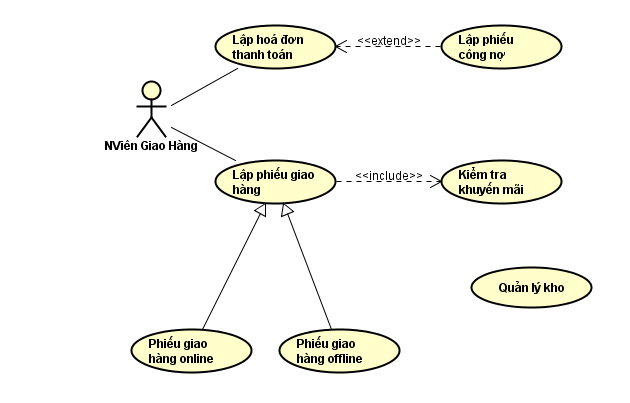
|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số | Tên tài liệu | Nội dung cập nhật | Phiên bản | Tác giả | Mô tả |
| FR-01 | Yêu cầu chức năng | Khởi tạo | 1.0 | Save My Life | Phân tích yêu cầu chức năng cho hệ thống quản lý nhà phân phối |

1. Phân tích chức năng
   1. Sơ đồ use case tổng quát

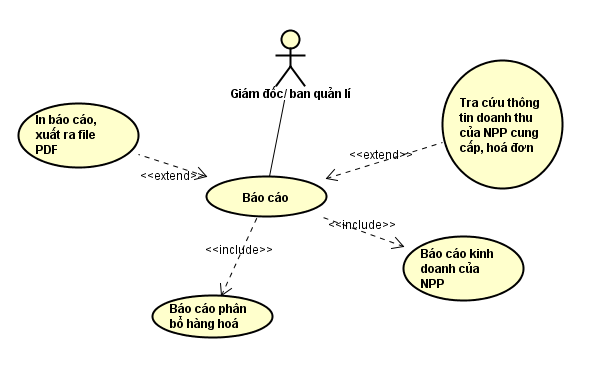
Hình 1 Mô hình tổng quát



Hình 2 Mô hình use case Xử lý khuyến mãi



Hình 3 Mô hình use case Quá trình giao hàng



Hình 2 Mô hình use case Báo cáo

* 1. Mô tả

Kiểm tra thông tin khuyến mãi

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên Use Case | Đặt phòng | Mã số: UCCN-1 |
| Tham chiếu: [1] [HTUCNV-1] |
| Mô tả | UC bắt đầu khi nhân viên giao hàng có nhu cầu kiểm tra thông tin khuyến mãi của NPP | |
| Dòng cơ bản | 1. Nhân viên chọn chức năng kiểm tra thông tin khuyến mãi 2. Nhập thông tin mã khuyến mãi trên phiếu khuyến mãi mà NPP cung cấp 3. Hiển thị thông tin khuyến mãi và hàng hoá khuyến mãi khi tìm lấy thành công. | |
| Dòng thay thế | Nếu thông tin không được tìm thấy, hiển thị thông báo với người dùng. | |

Tra cứu thông tin nhà phân phối

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên Use Case | Đặt phòng | Mã số: UCCN-1 |
| Tham chiếu: [1] [HTUCNV-1] |
| Mô tả | UC bắt đầu khi nhân viên giao hàng có nhu cầu tra cứu thông tin của nhà phân phối. | |
| Dòng cơ bản | 1. Nhân viên chọn chức năng tìm tra cứu thông tin nhà phân phối 2. Nhập thông tin nhà phân phối để tra cứu như: tên nhà phân phối, địa chỉ, chi nhánh,… 3. Hiển thị thông tin tìm thấy thành công. | |
| Dòng thay thế | Nếu thông tin không được tìm thấy, hiển thị thông báo với người dùng. | |

Ghi nhận thông tin NPP nhận khuyến mãi

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên Use Case | Đặt phòng | Mã số: UCCN-1 |
| Tham chiếu: [1] [HTUCNV-1] |
| Mô tả | UC bắt đầu khi nhân viên giao hàng có nhu cầu Ghi nhận thông tin nhà phân phối nhận khuyến mãi | |
| Dòng cơ bản | 1. Nhân viên chọn chức năng Ghi nhận thông tin nhà phân phối nhận khuyến mãi 2. Nhập thông tin nhà phân phối và thông tin phiếu ghi nhận và lưu lại. 3. Hiển thị thông tin ghi nhận thành công. | |
| Dòng thay thế | Tại dòng cơ bản 2, nếu nhân viên có nhu cầu tìm kiếm mã NPP để tiến hành ghi nhận cho chính xác, thực hiện usecase Tra cứu thông tin NPP. | |

Kiểm tra hàng khuyến mãi tồn kho

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên Use Case | Đặt phòng | Mã số: UCCN-1 |
| Tham chiếu: [1] [HTUCNV-1] |
| Mô tả | UC bắt đầu khi nhân viên giao hàng có nhu cầu kiểm tra hàng hoá còn tồn kho hay không | |
| Dòng cơ bản | 1. Nhân viên chọn chức năng kiểm tra hàng khuyến mãi tồn kho. 2. Nhập thông tin phiếu khuyến mãi để tra cứu: mã phiếu khuyến mãi 3. Hiển thị thông tin hàng hoá (số lượng, sản phẩm) khuyến mãi phù hợp với phiếu khuyến mãi. | |
| Dòng thay thế | Nếu thông tin không được tìm thấy, hiển thị thông báo với người dùng. | |

Báo cáo kinh doanh của NPP

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên Use Case | Báo cáo kinh doanh của NPP | Mã số: UCCN-1 |
| Tham chiếu: [1] [HTUCNV-1] |
| Mô tả | UC bắt đầu khi Giám đốc/ ban quản trị có nhu cầu tra cứu thông tin doanh thu của NPP, hóa đơn | |
| Dòng cơ bản | 1. Giám đốc/ban quản lí chọn chức năng tra cứu thông tin kinh doanh của NPP 2. Chọn thống kê theo tháng/quý/năm và chọn số lượng hàng hóa bán ra hoặc số lượng tồn hoặc doanh thu của nhà phân phối 3. Hiển thị thông tin tổng số hàng hóa bán ra hoặc số lượng tồn hoặc tổng doanh thu của NPP 4. Chọn thống kê số liệu theo tháng/ quý/ năm và chọn nhà phân phối cụ thể 5. Hiển thị tổng các số liệu 6. Chọn phân nhóm NPP 7. Chọn vùng miền cụ thể 8. Nhập loại hàng hóa 9. Chọn tạo mẫu báo cáo 10. Hiển thị bảng phân nhóm NPP 11. Chọn in báo cáo | |
| Dòng thay thế | Nếu thông tin không được tìm thấy, hiển thị thông báo với người dùng. | |

Báo cáo hoạt động phân bổ hàng hóa

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên Use Case | Báo cáo hoạt động phân bổ hàng hóa | Mã số: UCCN-1 |
| Tham chiếu: [1] [HTUCNV-1] |
| Mô tả | UC bắt đầu khi Giám đốc/ ban quản trị có nhu cầu tra cứu thông tin phân bổ hàng hóa | |
| Dòng cơ bản | 1. Giám đốc/ ban quản lí chọn chức năng tra cứu thông tin phân bổ hàng hóa   1. Chọn thông tin phân bổ 2. Hiển thị thông tin số lượng đề nghị, số lượng thực tế, tổng tiền mỗi lần phân bổ từ đơn đặt hàng và đơn giao hàng 3. Chọn phân bổ hàng hóa từ NPP 4. Chọn tháng/quý / năm và chọn NPP cụ thể 5. Hiển thị tổng số liệu về việc phân bổ 6. Chọn phân nhóm phân bổ 7. Chọn NPP cụ thể 8. Nhập loại hàng hóa 9. Chọn tạo mẫu báo cáo 10. Hiển thị bảng phân nhóm phân bổ 11. Chọn in báo cáo | |
| Dòng thay thế | Nếu thông tin không được tìm thấy, hiển thị thông báo với người dùng. | |